

Số: 25/QĐ-TNMT

Biên Hòa, ngày 21 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu – chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm 2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 62/TB-TCKH ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Biên Hòa về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu – chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các tổ chuyên môn phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định này. / 7

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu :VT, HC.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Tấn Vinh

Đơn vị: PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Chương: 626

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 25 /QĐ-PTNMT ngày 21/7/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	2.241.300.300	2.241.300.300	0	0	0
1	Số thu phí, lệ phí	530.224.308	530.224.308	0	0	0
1.1	Lệ phí	0	0	0	0	0
1.1.1						
1.2	Phí	530.224.308	530.224.308	0	0	0
1.2.1	Phí thẩm định cấp giấy	61.500.000	61.500.000			
1.2.2	Phí nước thải công nghiệp	468.724.308	468.724.308			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu khác	1.711.075.992	1.711.075.992	0	0	0
3.1	Thẩm định PABT	1.711.075.992	1.711.075.992			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	54.789.530	54.789.530			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	54.789.530	54.789.530			
1.1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính	2.216.517.056	2.216.517.056	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.216.517.056	2.216.517.056			
2	Thẩm định PABT	2.216.517.056	2.216.517.056			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN	413.043.231	413.043.231	0	0	0
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	413.043.231	413.043.231	0	0	0
1.1	Lệ phí	0	0	0	0	0
		0	0			
1.2	Phí	413.043.231	413.043.231	0	0	0
	Phí thẩm định cấp giấy	61.500.000	61.500.000			
	Phí nước thải công nghiệp	351.543.231	351.543.231			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính	16.837.600.718	16.837.600.718			

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.854.737.730	2.854.737.730			
a	Thanh toán cá nhân	1.777.316.417	1.777.316.417			
b	Hoạt động	1.077.421.313	1.077.421.313			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	13.982.862.988	13.982.862.988	0	0	0
1.2.1	Sự nghiệp môi trường	2.001.184.642	2.001.184.642			
1.2.2	Xử lý chất thải lỏng	5.935.702.733	5.935.702.733			
1.2.3	Sự nghiệp địa chính	5.885.994.344	5.885.994.344			
1.2.4	Xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực môi trường	134.549.269	134.549.269			
1.2.5	Thu phí thẩm định cấp giấy	25.432.000	25.432.000			0

Số: 62/TB-TCKH.

Biên Hòa, ngày 01 tháng 7 năm 2020

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019

Đơn vị được thông báo: **PHÒNG TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG BH**

Mã chương: 626

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2019 của Phòng Tài nguyên – Môi trường và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 22/4/2020 giữa Phòng Tài chính – Kế hoạch và Phòng Tài nguyên – Môi trường.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019 (không bao gồm quyết toán vốn XDCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCB.....- sẽ có biên bản riêng) của Phòng Tài nguyên – Môi trường như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 530.224.308 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 413.043.230 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 117.181.078 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 234.613.354 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 21.876.825.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 15.713.420.000 đồng;
 - + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 6.163.405.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 16.837.600.718 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 16.837.600.718 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 5.273.837.636 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 192.488.509 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận:..... đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng;

(Số liệu chi tiết theo 1c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra; cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:..... đồng

- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN:..... đồng

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN:..... đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu đơn vị cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính- Kế hoạch thực hiện kiểm tra một số chứng từ như sau:

3.1. Về số thu:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp(theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ):

+ Dự toán: 375.000.000đồng

+ Thực hiện: 468.724.308đồng

+ Nộp NSNN (75%): 351.543.230đồng

+ Để lại đơn vị (25%): 117.181.078 đồng (trong đó trích 40% CCTL: 46.872.431 đồng).

Đơn vị thực hiện nộp ngân sách nhà nước, và trích nguồn cải cách tiền lương đầy đủ theo quy định.

- Phí cấp giấy CNQSĐĐ (theo Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai):

+ Dự toán: 40.000.000đồng

+ Thực hiện: 61.500.000 đồng

+ Nộp NSNN: 61.500.000 đồng

Đơn vị thực hiện nộp NSNN đầy đủ theo qui định.

- Thu khác (thẩm định phương án bồi thường):

+ Tồn đầu kỳ: 1.449.411.606đồng

+ Thực hiện: 1.711.075.992đồng

+ Chi trong kỳ: 2.216.517.056 đồng

+Tồn cuối kỳ: 943.970.542 đồng

- Đối với việc thực hiện nguồn cải cách tiền lương năm 2020:

+ Số dư năm trước chuyển sang: 185.618.383 đồng

+ Số trích CCTL trong năm 2019: 46.872.431 đồng

+ Số CCTL sử dụng trong năm 1019: 0 đồng

+ Số dư CCTL chuyển sang năm 2020: 232.490.814 đồng

(Số trích CCTL năm 2019 số tiền 46.872.431 đồng, Phòng Tài chính – Kế hoạch sẽ trừ vào nguồn thực hiện CCTL năm 2020 khi tổng hợp tăng lương cơ sở)

Ngoài các nguồn thu trên, đơn vị không báo cáo nguồn thu nào khác. Đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có khoản thu nào để ngoài sổ sách.

3.2 Về số chi:

Đơn vị thực hiện chi ngân sách theo dự toán được giao, khớp đúng với số liệu thực chi với Kho bạc Nhà nước.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện kiểm tra một số chứng từ sau:

- Đối với chi phí tư vấn lập hồ sơ yêu cầu và tư vấn đánh giá hồ sơ đề xuất thực hiện Lắp đặt mới pano cố định, thay đổi nội dung pano cố định và mua sắm thùng đựng rác trên địa bàn thành phố: đơn vị thanh toán số tiền 8.800.000 đồng, là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 3 và điểm b khoản 4 điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP (theo quy định chi phí tư vấn lập hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất là 2.000.000 đồng).

- Đối với chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện Lắp đặt mới pano cố định, thay đổi nội dung pano cố định và mua sắm thùng đựng rác trên địa bàn thành phố: đơn vị thanh toán số tiền 4.400.000 đồng, là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 5 điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP (theo quy định chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu là 2.000.000 đồng).

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:..... đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính:..... đồng

- Trích lập các Quỹ:..... đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương:... đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 3a ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017; theo Mẫu biểu 1b ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018).

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đảm bảo thời gian theo lịch thông báo.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: đơn vị nộp báo cáo quyết toán năm 2019 đầy đủ theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: Đơn vị hạch toán đúng mục lục ngân sách, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy chế. Tuy

nhiệm đơn vị thanh toán chi phí tư vấn lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất; chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện Lắp đặt mới pano cố định, thay đổi nội dung pano cố định và mua sắm thùng đựng rác trên địa bàn thành phố chưa đúng quy định tại Điều 9 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP, với tổng số tiền là 9.200.000 đồng.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị thu hồi số tiền 9.200.000 đồng do thanh toán không đúng quy định, nộp vào thu khác ngân sách thành phố năm 2020.

- Đề nghị đơn vị phản ánh tất cả các khoản thu, chi vào báo cáo tài chính của đơn vị. Thực hiện nghiêm theo Luật ngân sách.

Nơi nhận:

- Phòng Tài nguyên – Môi trường TPBH;
- Lưu: VT, HCSN.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



PHÒNG
TÀI CHÍNH
KẾ HOẠCH

Đoàn Thanh Long